

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-SNNMT ngày 09/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Ocean Wood Vietnam (địa chỉ trụ sở chính: Lô CN-18, Cụm công nghiệp Jutech, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy chế biến lâm sản – Sản xuất kinh doanh gỗ ván ép” tại lô CN-18, Cụm công nghiệp Jutech, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy chế biến lâm sản – Sản xuất kinh doanh gỗ ván ép”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-18 Cụm công nghiệp Jutech, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số là 2401007084 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh đăng ký lần đầu ngày 02/01/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/11/2025.

1.4. Mã số thuế: 2401007084.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến lâm sản (Sản xuất kinh doanh gỗ ván ép).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích 5.500 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: Chế biến lâm sản (sản xuất gỗ ván ép): 70.000 m³/năm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên vật liệu (gỗ ván ép) → Sấy → May thành khổ → Tráng keo → Xếp chuyen → Ép nguội → Ép nóng → Cắt cạnh → Chà bề mặt → Dán mặt → Kiểm tra → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ocean Wood VietNam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ocean Wood VietNam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Xuân Cẩm và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Hội đồng thẩm định số 1255/QĐ-SNNMT ngày 31/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến lâm sản – Sản xuất kinh doanh gỗ ván ép”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Xuân Cẩm; Công ty TNHH Ocean Wood VietNam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT;
Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m³/ngày đêm của dự án, đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nổi nước thải của Cụm công nghiệp Jutech được đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Jutech (theo văn bản thỏa thuận số 0110/TTKT-BĐH ngày 01/10/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Jutech) để tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải 10 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải nhà bếp được tách dầu qua vật liệu vải tách dầu trước khi dẫn theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải 10 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà bếp → Sàng lọc rác/Vải tách dầu → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga đầu nổi → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Jutech.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm Emic (EM), mật rỉ đường, Methanol, Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải có chuyên môn, nắm được cơ chế hoạt động của hệ thống cũng như nắm được các phương án khắc phục sự cố.

- Cán bộ vận hành phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động, cụ thể trong các công đoạn châm hoá chất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

- + Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả của bể hiếu khí và màng lọc MBR.

- + Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đơn vị chủ xưởng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn cưa, cắt tự động;
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép nóng số 1 và công đoạn trộn, lăn keo;
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép nóng số 2;
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 05 vị trí tương ứng với 05 dòng khí thải (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00'$ múi chiều 3°):

STT	Dòng khí thải	Tên hệ thống xử lý	Khí thải sau xử lý từ nguồn phát sinh khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải	
				X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	HTXL số 1	01	2354897	426412
2	Dòng khí thải số 02	HTXL số 2	02	2354915	426404
3	Dòng khí thải số 03	HTXL số 3	03	2354900	426413
4	Dòng khí thải số 04	HTXL số 4	04	2354923	426400
5	Dòng khí thải số 05	HTXL số 5	05	2354923	426400

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 150.000 m³/giờ, trong đó:

Dòng khí thải	Tên hệ thống xử lý và ống thoát khí thải	Lưu lượng xả thải lớn nhất (m ³ /giờ)
Dòng khí thải số 01	HTXL số 1 (OK1)	20.000

Dòng khí thải số 02	HTXL số 2 (OK2)	20.000
Dòng khí thải số 03	HTXL số 3 (OK3)	45.000
Dòng khí thải số 04	HTXL số 4 (OK4)	20.000
Dòng khí thải số 05	HTXL số 5 (OK5)	45.000

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường liên tục trong thời gian hoạt động sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT cột B), cụ thể như sau:

STT	Thông số /Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
I	Dòng khí thải số 01, 02				Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi PM	mg/Nm ³	≤ 80	1 năm/lần	
II	Dòng khí thải số 03, 04				
1	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤ 400	06 tháng/lần	
2	Nito oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
3	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		
4	Bụi PM	mg/Nm ³	≤ 80	01 năm/lần	
5	Pomaldehyt	mg/Nm ³	≤ 15		
6	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤ 20		
III	Dòng khí thải số 05				
1	Bụi PM	mg/Nm ³	≤ 50	01 năm/lần	
2	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤ 400	06 tháng/lần	
3	Nito oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	≤ 350		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn chà nhám được thu bằng 01 ống hút D300 sau đó theo đường ống nhựa kích thước D600 chiều dài 9m, sau đó dẫn về hệ thống xử lý lọc bụi cyclone sau đó qua thiết bị lọc bụi túi vải (hệ xử lý số 01) sau đó dưới tác dụng của quạt hút ly tâm công suất 20.000m³/giờ rồi thoát ra ngoài môi trường.

Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt cạnh được thu bằng 02 ống hút D350, D500 thu gom bụi phát sinh, sau đó theo đường ống nhựa kích thước D550, D600 với tổng chiều dài 9,5m dẫn về hệ thống xử lý lọc bụi cyclone và lọc bụi túi vải (hệ xử lý số 02) dưới tác dụng của quạt hút ly tâm công suất 20.000m³/giờ rồi thoát ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 03: Khí thải được hút qua 05 chụp hút có kích thước 2700x1600x800mm, khí thải trộn keo được hút qua 01 chụp hút có kích thước 2000x1000x600mm; mỗi chụp gồm 02 ống thu D300 dài 1m/ống, sau đó thu gom dẫn qua đường ống D300, D450, D550, D650 và D800 (tổng chiều dài 53m) nhờ lực hút của quạt hút lưu lượng 45.000m³/giờ về hệ thống xử lý khí thải ép nhiệt số 01 rồi thoát ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 04: Khí thải được hút qua 02 chụp hút có kích thước 2700x1600x800mm, mỗi chụp gồm 02 ống thu D300 dài 1m/ống, sau đó thu gom dẫn qua đường ống D400, D500 (tổng chiều dài 11m) nhờ lực hút của quạt hút lưu lượng 20.000m³/giờ về hệ thống xử lý khí thải ép nhiệt số 02 rồi thoát ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 05: Được thu gom xử lý qua các hệ thống lọc bụi: Bụi, khí thải được thu gom, xử lý qua thiết bị lọc bụi cyclone chùm. Dòng khí thải được tiếp tục xử lý qua Hệ thống lọc bụi kiểu ướt: Sau khi khói, bụi đi qua bộ khử bụi Cyclone chùm, dòng khí thải được đưa qua hệ thống lọc bụi kiểu ướt bằng phương pháp hấp thụ để xử lý môi trường đạt được triệt để. Khí thải sau xử lý tại hệ thống xử lý khí đạt tiêu chuẩn được quạt hút đẩy công suất 45.000m³/giờ rồi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a. Hệ thống xử lý bụi số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc bụi (cyclone lắng bụi thô) → Thiết bị xử lý bụi (Buồng lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi.

b. Hệ thống xử lý bụi số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc bụi (cyclone lắng bụi thô) → Thiết bị xử lý bụi (Buồng lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi.

c. Hệ thống xử lý khí thải số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tủ hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

d. Hệ thống xử lý khí thải số 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Tủ hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

e. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị lọc bụi đa phân tử (cyclone) → Ống dẫn → Quạt hút → Ống dẫn → Hệ thống lọc bụi kiểu ướt (Bể đập bụi) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 45.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Lắp đặt thiết bị hoặc có biện pháp để cảnh báo nguy cơ xảy ra sự cố phù hợp với loại hình công nghệ xử lý khí thải;

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình thiết kế;

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải;

- Khi xảy ra sự cố, phải dừng ngay nguồn phát sinh khí thải tương ứng để triển khai các biện pháp khắc phục; triển khai các biện pháp phù hợp để khử các

chất ô nhiễm trong môi trường;

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện thay thế, bổ sung, vệ sinh định kỳ các thiết bị lọc, xử lý bụi, khí thải của từng hệ thống xử lý khí thải.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, đường ống, trang bị máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện không vận hành được hệ thống xử lý khí thải.

- Những người vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải được đào tạo các kiến thức về vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Chủ đầu tư sẽ ngưng hoạt động sản xuất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 05/2026 đến tháng 08/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 05 công trình.

- 01 Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn chà nhám;

- 01 Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cưa, cắt;

- 01 Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực ép nóng số 1 và trộn, lăn keo;

- 01 Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực ép nóng số 2;

- 01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 05 vị trí tại ống thoát khí thải sau 05 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-

BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc mẫu đơn sau xử lý trong vòng 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (tần suất 01 lần/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn.

- + Nguồn số 01: Từ khu vực máy móc, thiết bị sản xuất (cưa, cắt, chà nhám).
- + Nguồn số 02: Từ khu vực máy nén khí;
- + Nguồn số 03: Từ khu vực quạt hút của các hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

- Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

- 1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 782 kg/năm.
- 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thường phát sinh: 38.940 kg/năm.
- 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 20.170 kg
- 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: 215 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích kho: 07 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích kho: 10 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho.
- Diện tích kho: 07 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Ocean Wood VietNam có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Duy trì hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải tại dự án để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đơn vị cho thuê xưởng; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

5. Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

7. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.